

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 6587 : 2000

**NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT
VẬT LIỆU CHỊU LỬA SAMỐT – ĐẤT SÉT**

Raw materials for production of fireclay refractories – Clay

HÀ NỘI - 2008

TCVN 6587 : 2000

Lời nói đầu

TCVN 6587 : 2000 do Tiểu ban Kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC33/SC2 "*Vật liệu chịu lửa – phân tích hoá học*" hoàn thiện trên cơ sở dự thảo của Viện Khoa học Công nghệ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xét duyệt, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 6587 : 2000

Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt – Đất sét

Raw materials for production of fireclay refractories – Clay

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho đất sét làm nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt.

2 Tiêu chuẩn trích dẫn

TCVN 4196 - 86 Đất xây dựng – Phương pháp xác định độ ẩm.

TCVN 4345 - 86 Đất sét để sản xuất gạch ngói nung – Phương pháp thử cơ lý.

TCVN 6530-4:1999 Vật liệu chịu lửa – Phương pháp thử – Phần 4: Xác định độ chịu lửa.

TCVN 6533 : 1999 Vật liệu chịu lửa alumosilicat – Phương pháp phân tích hoá học.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Các chỉ tiêu kỹ thuật của đất sét để sản xuất vật liệu chịu lửa samốt quy định ở Bảng 1.

Bảng 1 - Các chỉ tiêu kỹ thuật của đất sét

Tên chỉ tiêu	Mức		
	Loại I	Loại II	Loại III
1. Hàm lượng nhôm oxit (Al_2O_3), %, không nhỏ hơn	32	28	23
2. Hàm lượng sắt oxit (Fe_2O_3), %, không lớn hơn	2,0	3,0	4,0
3. Độ dẻo (chỉ số dẻo), không nhỏ hơn	20		
4. Độ chịu lửa, °C, không nhỏ hơn	1 710	1 650	1 580
5. Độ ẩm, %, không lớn hơn, (áp dụng cho đất sét đóng bao)	7		

TCVN 6587 : 2000

4 Phương pháp thử

4.1 Lấy mẫu thử

4.1.1 Mẫu thử được lấy theo lô. Lô là khối lượng đất sét có cùng loại và không quá 100 tấn. Mẫu thử được lấy từ không ít hơn 10 điểm cách đều nhau (trên bề mặt, dưới đáy và ở giữa), sao cho mẫu lấy ra đại diện cho toàn bộ lô và tổng khối lượng không nhỏ hơn 6 kg.

4.1.2 Mẫu lấy ra theo điều 4.1.1 được đập nhỏ, gộp lại, trộn kỹ và rút gọn theo phương pháp chia tư để có khối lượng không nhỏ hơn 3 kg. Sau đó tiếp tục dùng phương pháp chia tư để tạo hai phần mẫu, một phần làm mẫu thử, phần còn lại cho vào bao nilon, niêm phong làm mẫu lưu. Thời gian lưu mẫu là ba tháng.

Mẫu lưu cần có phiếu ghi rõ:

- tên cơ sở sản xuất;
- ngày và nơi lấy mẫu;
- tên người lấy mẫu;
- số hiệu lô hàng.

4.2 Xác định hàm lượng nhôm oxit và sắt oxit

Theo TCVN 6533 : 1999.

4.3 Xác định độ dẻo

Theo TCVN 4345 - 86.

4.4 Xác định độ chịu lửa

Theo TCVN 6530 - 4 : 1999.

4.5 Xác định độ ẩm

Theo TCVN 4196 - 86.

5 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển

5.1 Đất sét được bảo quản theo từng loại ở dạng rời hoặc đóng bao. Kho chứa đảm bảo khô ráo, có mái che và tránh để lẫn tạp chất.

5.2 Mỗi lô có phiếu kiểm tra ghi rõ:

- tên cơ sở sản xuất;
- ký hiệu lô và ngày nhập kho;
- khối lượng và loại đất sét;
- phiếu phân tích.

5.3 Đất sét được vận chuyển bằng mọi phương tiện giao thông có mái che, tránh lẫn các tạp chất.
